TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121 /2026/HNGĐ - ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2026
" V/v ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông* Nguyễn Đồng D
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông* Nguyễn Viết T
Bà Nguyễn Thị Kim H

Thư ký Toà án phiên toà: Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Văn M - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2026 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/HNGĐ - QĐXX ngày 09/06/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1990

Đều trú tại: A Đ, P N L, H Y

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Minh C, sinh năm 2014, Trần Minh C, sinh năm 2019

Người đại diện cho cháu C, cháu C: Chị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày ….. của chị N và các lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị N và anh K là bạn học cùng cấp ba, sau khi tốt nghiệm trung học phổ thông chúng tôi vẫn qua lại, chơi với nhau, sau một thời gian tìm hiểu hai chúng tôi quyết định tiến tới hôn nhân, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dna xã Bắc Sơn (nay là xã Phạm Ngũ Lão), tỉnh Hưng Yên vào tháng 2/2014. Sau kết hôn chúng tôi ở riêng, cuộc sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 5 năm, đến đầu năm 2020 có nhiều mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do anh K mải chơi, không chung thủy, vướng nợ nần, bản thân tôi cũng đã vay mượn khoảng 01 tỷ VNĐ để trả nợ cho anh K, việc làm này của tôi cũng có mục đích là để anh K nhìn nhận lại bản thân, nhìn lại những việc mà mình chưa làm đúng để sửa chữa, cố gắng làm ăn, làm chỗ dựa cho tôi cũng như các con, tuy nhiên chỉ được vài tuần thì anh K lại chơi bời, không lo toan cho gia đình, gia đình hai bên cũng đã phân tích, động viên anh K nhưng bản chất con người anh K không thay đổi, kể từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, việc ai người đó làm, từ năm 2021 đến nay vợ chồng tôi sống ly thân, quan hệ vợ chồng chấm

dứt. Nay tôi xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Minh C, sinh ngày 31/3/2019, hai cháu hiện đang ở cùng anh K và ông bà nội, nguyện vọng của tôi là mỗi người nuôi một cháu, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay tôi làm kinh doanh thời trang, thu nhập bình quân hàng được khoảng 15.000.000 đồng, do làm tự do nên tôi không có hóa đơn, chứng từ để cung cấp cho Tòa án, tôi cam đoan công việc và thu nhập của tôi là đúng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Cháu C, cháu C có quan điểm: Hai cháu là con đẻ của anh K, chị N, hiện nay các cháu ở cùng bố và ông bà nội, hai bố mẹ không ở cùng nhau nhiều năm nay, nguyện vọng của hai cháu muốn ở với mẹ.

Đại diện gia đình chị N (bà Máy) trình bày: Bà là mẹ đẻ chị N, mẹ vợ anh K.hai vợ chồng tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh K, cuộc sống vợ chồng chị N có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không thì tôi không biết, chị N là con người sống nội tâm , ít chia sẻ nên tôi cũng không hỏi, khoảng năm 2021-2022 chị N về gia đình tôi ở, tôi có hỏi thì chị N có nói do mâu thuẫn nên về ở cùng bố mẹ, trong suốt thời gian ở gia đình tôi, anh N không qua lại, vợ chồng có gặp nhau hay không thì tôi không nắm được, gia đình có công việc, ngày lễ, tết anh N không qua. Nay chị N có đơn ly hôn anh K, tôi nhìn nhận hành phúc của vợ chồng không còn, hai bên cũng không còn tình cảm nên tôi cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị N ly hôn. Vợ chồng chị N có 02 con chung tên Trần Minh C, sinh năm 2014 và Trần Minh C, sinh năm 2019, hai cháu ở cùng bố và ông bà nội, khi rảnh tôi có đón về chơi cùng gia đình. Hai cháu có nguyện vọng ở với chị N, tôi cũng đồng ý và mong muốn được cùng chị N nuôi hai cháu. Gia đình có chỗ ở ổn định, bản thân tôi có sức khỏe nên việc chăm sóc cho hai cháu cũng không có khó khăn gì. Vợ chồng chị N có hay không có tài sản chung tôi không biết.

Đại diện gia đình anh K (ông Mạnh) trình bày: Ông Mạnh là bố đẻ anh K, bố chồng chị N. Hai anh chị tự tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về gia đình chung sống, vợ chồng cũng hòa thuận, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nảy sinh, khoảng năm 2022 chị N bỏ về bên ngoại ở từ đó cho đến nay không quay lại gia đình, chấm dứt mọi quan hệ, bản thân ông cũng như gia đình chị N cũng đã động viên vợ chồng rất nhiều, mong muốn đoàn tụ nhưng không có kết quả, hiện nay vợ chồng không ở cùng nhau, tình cảm lạnh nhạt, gia đình cũng đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh K và anh K có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Minh C, sinh ngày 31/3/2019, hai cháu ở cùng gia đình ông. Vợ chồng có hay không có tài sản chung, ông không biết. Do anh K đi làm nên ông nhận các văn bản và thông báo cho anh K.

Xác minh Thôn, Ủy ban nhân dân xã thể hiện: Anh K, chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn An Đỗ , xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên. Hai vợ chồng có đăng ký kết hôn tại địa phương vào năm 2014. Hiện nay vợ chồng không ở cùng nhau. Có 02 con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Minh C, sinh ngày 31/3/2019, hai cháu ở

cùng gia đình anh K, vợ chồng có hay không có tài sản chug thôn, xã không nắm được.

Ngày 29/6/2026 Tòa án mở phiên tòa xét xử, anh K vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng măt, bị đơn vắng mặt, Căn cứ vào quy định của BLTTDS, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Trần Văn K. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn An Đỗ, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về việc kết hôn của chị N, anh K: Chị N, anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn (nay là xã Phạm Ngũ Lão), tỉnh Hưng Yên vào năm 2014, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị N, anh K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị N có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa chị N, anh K không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và cả hai đều không tự giải quyết được, mặt khác Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh K để hòa giải, vợ chồng tìm ra giải pháp để tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại nhưng anh K đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh K không có thiện C đoàn tụ gia đình, đồng thời bản thân hai bên không ai còn quan tâm, trách N với ai, chấm dứt mọi quan hệ, thời gian sống ly thân đã lâu. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp luật.

Về con chung: Chị N, anh K có 02 con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Minh C, sinh ngày 31/3/2019, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, nguyện vọng của chị hoàn toàn Cnh đáng, thể hiện được tình cảm cũng như trách N của người mẹ đối với các con chưa thành niên, bản thân chị N có công việc, thu nhập ổn định, nguyện vọng hai con chung đều mong muốn được ở với chị N. Do đó để đảm bảo cuộc sống cũng như tránh ảnh hưởng đến việc phát triển tâm sinh lý cần thiết giao cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh C, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Minh C, sinh ngày 31/3/2019 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N, anh K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Đối trừ số tiền mà chị N0001010 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000799 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị N đã nộp đủ án phí

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng D